TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2023/DS-ST
Ngày: 19-12-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Nam Phương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Xuyến
2. Ông Nguyễn Kiên Hiển

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Nhật Vi Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Sương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 99/TLST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2023/QĐXXST-DS ngày 23/10/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 376/2023/QĐST-DS ngày 21/11/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Huỳnh Nhật A, sinh năm 1996
Địa chỉ: Số 80/3/2 đường O, phường L, thành phố T, Thành phố H.
Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Huy V theo hợp đồng ủy quyền ngày 15/3/2023 (có mặt)

Bị đơn: Ông Trần Minh Q, sinh năm 1958 (vắng mặt)
Địa chỉ: Số 185 đường V1, phường V2, Quận 3, Thành phố H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1. Bà Phan Yến L1, sinh năm 1969 (vắng mặt)
Địa chỉ: Số 185 đường V1, phường V2, Quận 3, Thành phố H.
2. Bà Nguyễn Phúc Thuỳ D, sinh năm 1998 (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: Số 80/3/2 đường O, phường L, thành phố T, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 15/3/2023; Bản tự khai; Các Biên bản hòa giải; Nguyên đơn ông Huỳnh Nhật A có ông Nguyễn Huy V là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 18/9/2022, ông Huỳnh Nhật A có cho ông Trần Minh Q vay số tiền 2.100.000.000 đồng (hai tỷ một trăm triệu đồng), thời hạn vay là 03 tháng tính từ ngày 18/9/2022 đến ngày 18/12/2022. Mức lãi suất theo thỏa thuận là 5%/tháng. Trả lãi vào ngày 17 hàng tháng. Hai bên đã ký vào Hợp đồng cho vay tiền và ông Trần Minh Q đã nhận số tiền mặt là 2.100.000.000 đồng (hai tỷ một trăm triệu đồng).

Tuy nhiên đến thời điểm hiện nay mặc dù đã quá hạn nhưng ông Q vẫn chưa hoàn trả lại số tiền trên cùng với lãi suất. Mặc dù ông A đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông Q không có thiện chí, nhiều lần hứa hẹn và đến nay vẫn không hoàn trả số tiền trên cho ông A.

Ông đề nghị Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Q thanh toán số tiền như sau:

- Nợ gốc: là 2.100.000.000 đồng (hai tỷ một trăm triệu đồng).

- Lãi suất trong hạn tạm tính từ ngày 18/9/2022 đến ngày 18/12/2022 (3 tháng): 5% x 2.100.000.000 đồng x 3 tháng = 315.000.000 đồng.

- Lãi quá hạn: từ ngày 19/12/2022 tạm tính đến ngày 18/8/2023 (8 tháng): 1,6%/tháng x 2.100.000.000 đồng x 8 tháng = 268.800.000 đồng.

Tổng cộng (tạm tính đến ngày 18/8/2023): 2.100.000.000 đồng + 315.000.000 đồng + 268.800.000 đồng = 2.683.800.000 đồng (Hai tỷ sáu trăm tám mươi ba triệu tám trăm ngàn đồng).

Bị đơn ông Trần Minh Q trình bày:

Ông Q xác nhận có ký hợp đồng cho vay tiền đề ngày 18/9/2022 để vay số tiền là 2.100.000.000 đồng (hai tỷ một trăm triệu đồng). Thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày 18/9/2022 đến ngày 18/12/2022. Lãi suất theo thỏa thuận là 5%/tháng. Lãi suất phạt 1%/ngày trên số tiền trả chậm.

Tuy nhiên, số tiền ông vay là của ông Huỳnh Nguyễn Anh V3.

Hợp đồng cho vay tiền đề ngày 18/9/2022 được lập thành 02 bản chính. Ông Q giữ 01 bản chính và bên cho vay giữ 01 bản chính. Bản chính ông đang giữ là chưa có ghi thông tin cụ thể của bên cho vay tiền.

Số tiền vay này là cá nhân ông mượn nên không có liên quan đến vợ ông là bà Phan Yến L1.

Nay bị đơn đề nghị cung cấp các giấy nhận tiền vì thực tế số tiền ông nhận thì chưa phải là 2.100.000.000 đồng (hai tỷ một trăm triệu đồng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Phúc Thuỳ D tại bản tự khai trình bày:

Bà D được biết vào ngày 18/9/2022, ông Huỳnh Nhật A (chồng của Bà D) có cho ông Trần Minh Q mượn số tiền 2.100.000.000 đồng, thời hạn mượn là 3 tháng tính từ ngày 18/9/2022 đến ngày 18/12/2022, mức lãi suất theo thỏa thuận là 5%/tháng. Trả lãi vào ngày 17 hàng tháng. Hai bên ký hợp đồng vay tiền và ông Q đã nhận tiền mặt đủ. Đây là số tiền của ông Huỳnh Nhật A không phải là tài sản chung vợ chồng nên bà D không liên quan đến giao dịch này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Yến L1 không có mặt nên không có lời khai trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Huỳnh Nhật A: Giữ thay đổi yêu yêu cầu khởi kiện giảm mức lãi tính đối với lãi trong hạn và lãi quá hạn:

Yêu cầu Tòa án buộc ông Q thanh toán số tiền như sau:

- Nợ gốc: là 2.100.000.000 đồng (hai tỷ một trăm triệu đồng).

- Lãi suất trong hạn tạm tính từ ngày 18/9/2022 đến ngày 18/12/2022 (3 tháng): 1,66% x 2.100.000.000 đồng x 3 tháng = 104.580.000 đồng.

- Lãi quá hạn: từ ngày 19/12/2022 tạm tính đến ngày 19/12/2023 (12 tháng): 10%/năm x 2.100.000.000 đồng = 210.000.000 đồng.

Tổng cộng (tạm tính đến ngày 18/8/2023): 2.100.000.000 đồng + 104.580.000 đồng + 210.000.000 đồng = 2.414.580.000 đồng (Hai tỷ bốn trăm mười bốn triệu năm trăm tám mươi ngàn đồng).

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Trần Minh Q vắng mặt nên không có lời khai trình bày tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Phan Yến L1 và bà Nguyễn Phúc Thuỳ D vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Thư ký là đúng thủ tục tố tụng quy định tuy nhiên thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Nguyên đơn ông Huỳnh Nhật A tranh chấp hợp đồng vay tiền bị đơn ông Trần Minh Q có địa chỉ thường trú tại số 185 đường V1, phường V2, Quận 3, Thành

phố H. Do đó khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Bị đơn Trần Minh Q và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Yến L1 đã được tống đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Xét người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Phúc Thuỳ D có đơn xin vắng mặt đo dó căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên Tòa án xét xử vắng mặt đối với Bà D

[3] Về yêu cầu của Nguyên đơn:

[3.1] Về yêu cầu trả số tiền nợ gốc 2.100.000.000 đồng của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Xét lời khai thống nhất của nguyên đơn ông Huỳnh Nhật A và bị đơn ông Trần Minh Q có ký hợp đồng cho vay tiền đề ngày 18/9/2022 để vay số tiền là 2.100.000.000 đồng (hai tỷ một trăm triệu đồng). Thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày 18/9/2022 đến ngày 18/12/2022. Lãi suất theo thỏa thuận là 5%/tháng. Lãi suất phạt 1%/ngày trên số tiền trả chậm.

Xét lời khai của bị đơn ông Trần Minh Q có nêu việc mối quan hệ vay mượn này ông chỉ quen ông Vũ và không quen biết ông Huỳnh Nhật A. Đồng thời ông Q có xuất trình hợp đồng vay tiền đề ngày 18/9/2022 có nội dung giống hợp đồng vay tiền mà nguyên đơn nộp cho Tòa án nhưng phần thông tin bên cho mượn tiền, chữ ký người mượn tiền và hình thức giao tiền của giấy vay tiền do ông Q xuất trình bỏ trống các nội dung nêu trên.

Xét Hợp đồng vay tiền ngày 18/9/2022 do nguyên đơn xuất trình có các thông tin bên mượn tiền, phương thức cho vay và chữ ký của bên cho mượn tiền.

Tòa án nhân dân Quận 3 đã tổ chức đối chất cho các bên đương sự vào ngày 23/8/2023, tuy nhiên bị đơn ông Q không có mặt nên không thể tiến hành đối chất để làm rõ các nội dung nêu trên. Do đó Tòa án căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

Đối với hai hợp đồng vay tiền cùng đề ngày 18/9/2022 do nguyên đơn và bị đơn xuất trình có nội dung mâu thuẫn nhưng bị đơn đã không có mặt để chứng minh và giải thích do đó chỉ xem xét Hợp đồng vay tiền do nguyên đơn xuất trình có đủ

chữ ký của nguyên đơn và bị đơn để đảm bảo tính khách quan và toàn diện của chứng cứ.

Xét Hợp đồng vay tiền đề ngày 18/9/2022 do nguyên đơn xuất trình có chữ ký của bị đơn (và bị đơn cũng đã thừa nhận là chữ ký của bị đơn) có nội dung:

"*... Thời hạn vay 03 tháng kể từ ngày 18/9/2022 đến ngày 18/12/2022. Bên A đồng ý cho bên B vay số tiền: 2.100.000.000 đồng (hai tỷ một trăm triệu đồng)....5. Phương thức cho vay: Tiền mặt V Chuyển khoản ☐ .....7. Bên B xác nhận đã nhận đủ số tiền do Bên A chuyển giao hoặc bên A sẽ chuyển khoản vào TK bên B...".*

Tại hợp đồng nêu trên hai bên đã xác định thời hạn vay từ ngày ký hợp đồng và có đánh dấu vào việc phương thức cho vay do đó phù hợp với nội dung bên dưới bên B xác nhận đã nhận đủ tiền do bên A chuyển giao do đó đủ cơ sở xác định nguyên đơn đã chuyển giao đủ tiền cho bị đơn vay theo hợp đồng nêu trên.

Bị đơn có giao nộp các bản chụp màn hình ông nhận chuyển khoản 530 triệu đồng với nội dung "em Vu chuyen tien trong khoan 1ty800" ngày thực hiện 18/5/2022 và một lệnh chuyển tiền cho ông số tiền 110 triệu đồng với nội dung "em Vu chuyen anh Quang muon" ngày thực hiện 08/4/2022. Hai lệnh chuyển tiền này có nội dung và thời gian không phù hợp với nội dung Hợp đồng vay tiền nêu trên do đó không xem xét.

Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự: "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn, ...* " và khoản 1 Điều 290 Bộ luật Dân sự: "*Nghĩa vụ trả tiền phải thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức như đã thỏa thuận*".

Từ những nhận định trên đủ cơ sở xác định việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền nợ gốc 2.100.000.000 đồng là phù hợp với quy định.

[3.2] Về yêu cầu trả lãi, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Xét Hợp đồng vay tiền đề ngày 18/9/2022 do nguyên đơn xuất trình có chữ ký của bị đơn (và bị đơn cũng đã thừa nhận là chữ ký của bị đơn) có nội dung:

"*... Thời hạn vay 03 tháng kể từ ngày 18/9/2022 đến ngày 18/12/2022...mức lãi suất 5%/tháng. Trả lãi vào ngày 17 hàng tháng. Lãi suất trả chậm phạt là 1%/ngày".*

Bộ luật Dân sự quy định:

"*Điều 357. Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền*

1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468

của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

Điều 468. Lãi suất.

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ."

Do lãi suất trong hạn và lãi phạt quá hạn thanh toán do nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận trong hợp đồng vay tiền đều vượt quá quy định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự thì phần vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay do đó phần vượt quá sẽ không có hiệu lực. Do đó việc nguyên đơn điều chỉnh lại việc áp dụng lãi trong hạn là 20%/năm và lãi phạt do quá hạn là 10%/năm áp dụng trong thời hạn từ 19/12/2022 đến 19/12/2023 là phù hợp với quy định pháp luật.

Do đó lãi trong hạn bị đơn phải chịu là từ ngày 18/9/2022 đến 18/12/2022: 3 tháng x 1,66% x 2.100.000.000 đồng = 104.580.000 đồng.

Lãi quá hạn tính từ ngày 19/12/2022 đến ngày 19/12/2023 (tạm tính): 10%/năm x 2.100.000.000 đồng = 210.000.000 đồng.

Từ những nhận định nêu trên đủ cơ sở chấp nhận việc nguyên đơn buộc bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán cho bị đơn số tiền bao gồm:

Tiền nợ gốc: 2.100.000.000 đồng.

Tiền nợ lãi trong hạn từ ngày 18/9/2022 đến 18/12/2022: 104.580.000 đồng.

Tiền nợ lãi do chậm thanh toán từ ngày 19/12/2022 tạm tính đến ngày 19/12/2023: 210.000.000 đồng.

Tổng cộng: 2.414.580.000 đồng (hai tỷ bốn trăm mười bốn triệu năm trăm tám mươi ngàn đồng).

[4] Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Phúc Thuỳ D là vợ của nguyên đơn xác định số tiền cho vay này không liên quan đến bà nên không có yêu cầu nên Tòa không xem xét giải quyết quyền lợi.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Yến L1 là vợ của bị đơn và bị đơn xác định việc vay nợ không liên quan đến bà Ly nên bà không liên quan đến vụ án.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26, Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn ông Q phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm (ông Q là người cao tuổi nhưng không có đơn xin miễn nộp án phí nên vẫn phải chịu án phí).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 208, Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 266, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 290, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Huỳnh Nhật A.

Buộc bị đơn ông Trần Minh Q có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn ông Huỳnh Nhật A số 2.414.580.000 đồng (hai tỷ bốn trăm mười bốn triệu năm trăm tám mươi ngàn đồng) bao gồm:

Nợ gốc: 2.100.000.000 đồng.

Lãi trong hạn: 104.580.000 đồng.

Lãi quá hạn (tạm tính đến ngày 19/12/2023): 210.000.000 đồng.

Việc thanh toán thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 20/12/2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Trần Minh Q phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 80.291.600 đồng (tám mươi triệu hai trăm chín mươi mốt ngàn sáu trăm đồng).

Hoàn trả cho ông Huỳnh Nhật A số tiền án phí đã tạm nộp là 42.250.000 đồng (bốn mươi hai triệu hai trăm năm mươi ngàn) theo biên lai số AA/2021/0008235 ngày 15/3/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hoài Nam Phương